

THỰC ĐƠN BÁN TRÚ TUẦN 03 NĂM HỌC 2025 - 2026

Từ ngày 22/09/2025 đến ngày 26/09/2025

Tuần 4 tháng 9 năm học 2025-2026											
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	TP Chín/H S	Kcalo	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 2/22-09	1	Thịt kho tàu	Thịt mông sấn	67	125.000	8.375			Chất đốt	1.000	
	2	Khoai tây xào thịt	Khoai tây	60	18.000	1.080			Nhân công	2.000	
			Thịt mông sấn	9	125.000	1.125			Thuế	1.482	
	3	Canh mồng toi nấu tép	Mồng toi	35	18.000	630			Khấu hao	300	
			Tép	6	145.000	870					
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	18.000	1.980					
	5		Rau thơm	4,5	35.000	158					
	6		Gia vị các loại	10	100.000	1.000					
		Tổng				15.218				4.782	20.000
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	TP Chín/H S	Kcalo	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 3/ 23-09	1	Thịt gà chiên	Gà CN bỏ cđcc	85	85.000	7.225			Chất đốt	1.000	
	2	Trứng xào	Trứng vịt	35	60.000	2.100			Nhân công	2.000	
	3	Canh bí xanh nấu gà	Bí xanh	60	18.000	1.080			Thuế	1.482	
			Gà CN bỏ cđcc	20	85.000	1.700			Khấu hao	300	

Thứ 3/ 23-09	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	18.000	1.980					
	5		Rau thơm	3,8	35.000	133					
	6		Gia vị các loại	10	100.000	1.000					
		Tổng				15.218				4.782	20.000
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	TP Chín/H S	Kcalo	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 4/24-09	1	Chả rim	Chả lợn	59	142.000	8.378			Chất đốt	1.000	
	2	Đậu xốt cà chua	Đậu phụ	50	32.000	1.600			Nhân công	2.000	
			Cà chua	10	20.000	200			Thuế	1.482	
	3	Canh cải thảo nấu thịt	Cải thảo	42	17.000	714			Khấu hao	300	
			Thịt nạc xay	10	125.000	1.250					
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	18.000	1.980					
	5		Rau thơm	2,75	35.000	96					
	6		Gia vị các loại	10	100.000	1.000					
		Tổng				15.218				4.782	20.000
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	TP Chín/H S	Kcalo	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 5/25-09	1	Tôm chiên (3 con)	Tôm	40	200.000	8.000			Chất đốt	1.000	
	2	Trứng xốt cà chua	Trứng xốt cà chua	35	60.000	2.100			Nhân công	2.000	
			Cà chua	10	20.000	200			Thuế	1.482	
	3	Canh khoai tây cà rốt nấu xương	Khoai tây	55	18.000	990			Khấu hao	300	
			Xương lợn	10	85.000	850					
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	18.000	1.980					
	5		Rau thơm	2,8	35.000	98					
	6		Gia vị các loại	10	100.000	1.000					

		Tổng				15.218				4.782	20.000
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	TP Chín/H S	Kcalo	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 6/26-09	1	Thịt băm rang	ít sắn móng vai t	67	125.000	8.375			Chất đốt	1.000	
	2	Đậu xốt cà chua	Đậu xốt	50	32.000	1.600			Nhân công	2.000	
			Cà chua	12	20.000	240			Thuế	1.482	
	3	Canh rau cải nấu thịt	Rau cải ngọt	36	18.000	648			Khấu hao	300	
			Thịt nạc xay	10	125.000	1.250					
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	18.000	1.980					
	5		Rau thơm	3,56	35.000	125					
	6		Gia vị các loại	10	100.000	1.000					
		Tổng				15.218				4.782	20.000

Hiệu Trưởng Duyệt



Hoàng Sách Khôi

Người Lập Thực Đơn

Nguyễn Thị Hải Yến